

VỀ HAI HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH PHỔ BIẾN HIỆN NAY: KHUNG THAM CHIẾU TRÌNH ĐỘ NGÔN NGỮ CHÂU ÂU VÀ THANG ĐO TIẾNG ANH TOÀN CẦU

NGUYỄN PHONG THU *

Tóm tắt: Sau khi làm bài kiểm tra tiếng Anh, thí sinh sẽ nhận được kết quả dưới dạng điểm số. Thông thường, thí sinh cũng sẽ nhận được một số miêu tả về ý nghĩa của điểm số đó, được thể hiện dưới dạng cấp độ hoặc nhãn tiếng Anh, ví dụ: “người mới bắt đầu” hoặc “cao cấp”. Có nhiều hệ thống đánh giá trình độ tiếng Anh khác nhau được sử dụng trên khắp thế giới, trong đó Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ Châu Âu và Thang đo tiếng Anh toàn cầu là hai công cụ khá phổ biến. Bài viết giới thiệu tổng quát về hai hệ thống mô tả ngôn ngữ này giúp người đọc có thể hiểu được mối liên quan và lý do tồn tại song song hai hệ thống thước đo trình độ ngôn ngữ này.

Từ khóa: Khung tham chiếu, thang đo, hệ thống mô tả ngôn ngữ.

Abstract: After taking the English test, candidates will receive the results in the form of scores. Usually, candidates will also receive some descriptions of what the score means, expressed as a level or an English label, for example, “beginner” or “advanced”. There are many different English language assessment systems used around the world, of which the Common European Framework of Reference for Languages and the Global Scale of English are two quite popular tools. This article gives an overview of these two language description systems so that readers can understand the relationship and the reason for the parallel existence of these two

language proficiency assessment systems.

Keywords: Framework of reference, scale, language description system.

1. Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ Châu Âu

1.1. Khái niệm

Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ Châu Âu (Common European Framework of Reference for Languages - CEFR) là một trong nhiều khung mô tả trình độ ngôn ngữ của người học. Hệ thống đánh giá này có một số khuôn khổ với mục đích tương tự bao gồm Hội đồng Hoa Kỳ về Hướng dẫn Giảng dạy Trình độ Ngoại ngữ (ACTFL), Tiêu chuẩn Ngôn ngữ Canada (CLB) và thang điểm Bàn tròn Ngôn ngữ Liên ngành (ILR).

Mặc dù CEFR là thang đo của Châu Âu và được thiết kế đặc biệt để áp dụng cho bất kỳ ngôn ngữ Châu Âu nào, nhưng hiện nay nó đang trở thành một khung tiêu chuẩn toàn cầu về khả năng ngôn ngữ, đặc biệt là các ngôn ngữ Châu Âu, bao gồm cả tiếng Anh. CEFR không bị ràng buộc với bất kỳ bài kiểm tra ngôn ngữ cụ thể nào và hầu hết

* ThS - Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: nguyenphongthu2000@yahoo.com

các bài kiểm tra ngôn ngữ được tiêu chuẩn hóa hiện cung cấp các bài kiểm tra trình độ CEFR tương đương.

CEFR được Hội đồng Châu Âu đưa ra vào những năm 1990 như một phần trong nỗ lực rộng lớn hơn nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa các giáo viên ngôn ngữ trên tất cả các quốc gia Châu Âu. Hội đồng Châu Âu cũng muốn cải thiện sự rõ ràng cho các nhà tuyển dụng và các tổ chức giáo dục, những người cần đánh giá trình độ ngôn ngữ của ứng viên. Khung này được thiết kế để sử dụng trong cả giảng dạy và đánh giá.

1.2. Cách đánh giá theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ Châu Âu

Thay vì bị ràng buộc với một bài kiểm tra cụ thể, CEFR là một tập hợp các tuyên bố có thể làm ("Can Do") liệt kê các chức năng mà bạn sẽ có thể thực hiện bằng ngoại ngữ ở bất kỳ mức độ thành thạo nhất định nào. Ví dụ: một trong những câu có thể làm được ở cấp độ B1 là "Có thể tạo ra văn bản được kết nối đơn giản về các chủ đề quen thuộc hoặc sở thích cá nhân". Giáo viên của bất kỳ ngoại ngữ nào cũng có thể sử dụng những câu nói có thể làm được này để đánh giá bạn và thiết kế các bài học để giải quyết những lỗ hổng trong kiến thức của bạn. CEFR đặt ra sáu cấp độ thành thạo ngoại ngữ như sau:



CEFR A1: Breakthrough of beginner - Mới bắt đầu

CEFR A2: Waystage of Elementary - Sơ cấp

CEFR B1: Threshold or intermediate - Trung cấp

CEFR B2: Vantage or upper intermediate - Trên trung cấp

CEFR C1: Effective Operational Proficiency or Advanced - Cao cấp

CEFR C2: Mastery or proficiency - Thành thạo

CEFR được sử dụng rộng rãi trong giảng dạy ngôn ngữ, cả trong lĩnh vực giáo dục công lập và các trường ngôn ngữ tư nhân. Ở nhiều quốc gia, CEFR đã thay thế các hệ thống phân cấp trước đây được sử dụng trong giảng dạy ngoại ngữ. Hầu hết các bộ giáo dục ở Châu Âu đều có mục tiêu rõ ràng dựa trên CEFR cho tất cả học sinh sắp tốt nghiệp trung học, ví dụ: B2 cho ngoại ngữ thứ nhất, B1 cho ngoại ngữ thứ hai. Việc áp dụng CEFR cũng đang phát triển bên ngoài Châu Âu, với một số quốc gia riêng lẻ ở Châu Á và Châu Mỹ La-tinh áp dụng nó trong hệ thống giáo dục của họ.

Kể từ khi được công bố vào năm 2001, CEFR đã lan rộng vượt ra ngoài biên giới Châu Âu để cung cấp thông tin cho việc giảng dạy ngôn ngữ và đánh giá trên toàn thế giới. Mô hình CEFR [1, tr.13] mô tả phát triển thành thạo dưới dạng định lượng (có bao nhiêu nhiệm vụ ai đó có thể thực hiện) và chất lượng (họ có thể làm tốt như thế nào). Đó là một cách tiếp cận chức năng định hướng hành động, trong đó tính đến bối cảnh xã hội của ngôn ngữ. Do đó, kích thước định lượng được thể hiện dưới dạng các hoạt động giao tiếp, trong khi khía cạnh định tính là thể hiện ở năng lực giao tiếp.

Level	Listening	Reading	Speaking	Writing
C2	Has no difficulty in understanding any kind of spoken language, delivered at fast native speed	Can understand a wide range of long and complex texts	Has a good command of idiomatic expressions	Can write clear, smoothly flowing, complex texts in a logical structure
C1	Can understand enough to follow complex topics, though he/she may need to confirm details	Can understand in detail lengthy, complex texts, provided he/she can reread difficult sections	Can express him/herself fluently and spontaneously	Can express him/herself with clarity and precision
B2	Idiomatic usage influences the ability to understand	Has a broad active reading vocabulary, but may experience some difficulty with low-frequency idioms	Can interact with a degree of fluency and spontaneity that makes regular interaction	Can express news and views effectively in writing
B1	Can understand the main points of clear standard speech on familiar matters regularly encountered in work, school, leisure	Can read straightforward factual texts on subjects related to his/her field and interest	Can exploit a wide range of simple language to deal with most situations	Can write personal letters and notes asking for or conveying simple information of immediate relevance
A2	Can understand enough provided speech is clearly and slowly articulated	Can understand short, simple texts containing the highest frequency vocabulary	Can communicate in simple and routine tasks requiring a simple and direct exchange of information	Can write short, simple formulaic notes relating to matters in areas of immediate need
A1	Can follow speech which is very slow and carefully articulated, with long pauses for him/her to assimilate meaning	Can understand very short, simple texts a single phrase at a time, picking up familiar names, words and basic phrases	Can interact in a simple way but communication is totally dependent on repetition at a slower rate of speech	Can ask for or pass on personal details in written form

1.3. Ưu việt và hạn chế của Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ Châu Âu

Giống như bất kỳ sáng kiến hoặc nỗ lực giáo dục nào nhằm tiêu chuẩn hóa giảng dạy, CEFR đã nhận được nhiều ủng hộ và cả những gièm pha - thậm chí mặc dù nó tích cực khuyến khích người khác xem xét, mở rộng và điều chỉnh nó cho phù hợp với bối cảnh địa phương hoặc các mục tiêu cụ thể của họ.

Xét về tính ưu việt, ở Châu Âu, CEFR ngày càng trở thành tiêu chuẩn để mô tả trình độ thông thạo ngoại ngữ, đặc biệt là trong môi trường học thuật. Nếu bạn đã học nhiều hơn một ngôn ngữ, như hầu hết người Châu Âu đều học, CEFR là một cách chuẩn hóa thuận tiện để trình bày hai hay nhiều ngôn ngữ trong sơ yếu lý lịch của bạn. Ở trường học, CEFR là khung tiêu chuẩn trên khắp Châu Âu và có thể được sử dụng mà không cần đặt trước.

Tuy nhiên, trong môi trường doanh nghiệp, CEFR không được hiểu rộng rãi. Nếu bạn quyết định sử dụng CEFR trong sơ yếu lý lịch của mình vì lý do nghề nghiệp, cách tốt nhất vẫn là bao gồm mô tả trình độ, điểm kiểm tra tiêu chuẩn hóa và ví dụ về các trường hợp bạn đã sử dụng kỹ năng ngôn ngữ của mình (du học, làm việc ở nước ngoài,...).

Nhiều nhà giáo dục chỉ trích CEFR vì bề

rộng của các cấp độ của nó. Mỗi cấp độ trong số sáu cấp độ bao gồm một loạt các kỹ năng và khả năng. Một học sinh vừa mới đạt đến trình độ B1 kém khá xa so với một học sinh đã gần như nhưng không hoàn toàn thông thạo tất cả các kỹ năng của B2, nhưng cả hai học sinh sẽ được xác định là đang ở trình độ B1. Từ quan điểm thực tế, giáo viên được yêu cầu chia từng cấp độ trong sáu cấp độ thành các cấp độ phụ nhỏ hơn để thiết kế bài học và đánh giá. Tất cả những hạn chế này loại trừ khả năng đánh giá được khá nhiều người học trên khắp thế giới.

2. Thang đo tiếng Anh toàn cầu

2.1. Khái niệm

Thang đo tiếng Anh toàn cầu (Global Scale of English - GSE) là một tiêu chuẩn, thang điểm đo sự thông thạo tiếng Anh chi tiết, được đánh giá từ 10 đến 90 và là phù hợp về mặt tâm lý với CEFR. GSE có mục đích tương tự nhưng là sự phát triển mở rộng từ CEFR nhằm đưa đến một thước đo đánh giá bao quát và kỹ lưỡng hơn.

GSE dựa trên nghiên cứu về quy mô đơn chiều của trình độ ngôn ngữ [3] và áp dụng tại Pearson như một thang đo tiêu chuẩn hóa từ 10 đến 90 cấp độ phân biệt thành thạo ở cấp độ chi tiết trong phạm vi sản phẩm và dịch vụ tiếng Anh của Pearson [7]. Nó lần đầu tiên được áp dụng ở Pearson như thang báo cáo cho điểm tổng thể và điểm kỹ năng phụ trong bài kiểm tra tiếng Anh học thuật Pearson (PTE Academic).

Việc tạo ra các mục tiêu học tập mới của GSE phải tuân theo nghiên cứu sâu rộng, liên quan đến hơn 6.000 giáo viên và các chuyên gia ELT từ hơn 50 quốc gia, để đặt chúng trên thang đo tiếng Anh toàn cầu và đảm bảo sự liên kết của chúng với CEFR.

Sự phát triển của mục tiêu học tập GSE

là một quá trình liên tục và các nghiên cứu được mô tả trong tài liệu này không được coi là cuối cùng. Việc xác thực vẫn tiếp tục với chương trình nghiên cứu phát triển được thực hiện hàng năm, bởi nhân viên của Pearson và các nhà nghiên cứu và giáo viên độc lập.

Tất cả các mục kiểm tra PTE Academic đã được bao gồm trong hai vòng thử nghiệm thực địa liên quan đến khoảng 10.000 sinh viên. Theo sau thử nghiệm tại hiện trường, mỗi mục được gán một giá trị độ khó CEFR dựa trên phân tích tâm lý của dữ liệu. Hai phương pháp khác nhau đã được sử dụng để gán các giá trị mà sau đó được xác thực để xác nhận mối quan hệ giữa GSE và CEFR.

A. Cách tiếp cận lấy mục kiểm tra làm trung tâm

Cách tiếp cận đầu tiên liên quan đến người viết mục và người đánh giá mục. Người viết mục đã được đào tạo về CEFR trước khi được yêu cầu để ước tính một cách độc lập mức độ năng lực cần thiết để trả lời từng mục kiểm tra. Người đánh giá các mục cũng được đào tạo và yêu cầu ước tính mức CEFR của từng mục, độc lập với đánh giá của người viết. Cả hai bộ ước tính được so sánh với mức độ khó khăn được thiết lập về mặt tâm lý.

B. Phương pháp tiếp cận lấy thí sinh làm trung tâm

Một mẫu câu trả lời của thí sinh kiểm tra PTE Academic đã được lấy cho ba mục câu trả lời dài tĩnh, một câu trả lời bằng văn bản loại mục (viết bài luận) và hai loại mục trả lời nói (mô tả hình ảnh và kể lại bài giảng). Mỗi một trong số các câu trả lời của các thí sinh được đánh giá độc lập trên CEFR bởi hai chuyên gia đánh giá. Những xếp hạng

này được so sánh với những ước tính năng lực của thí sinh, dựa trên phân tích về mặt tâm lý của kết quả kiểm tra các mục này.

2.2. Cách đánh giá theo Thang đo tiếng Anh toàn cầu

Dựa trên nghiên cứu tâm lý mở rộng, GSE được điều chỉnh tuyến tính theo CEFR, do đó có thể chuyển đổi thành tiêu chuẩn được công nhận rộng rãi này. Hơn nữa, với nhiều mô tả chi tiết hơn, GSE có thể cung cấp nhiều thông tin chính xác hơn là chỉ sử dụng CEFR [5].

Khi liên kết với CEFR đã được thiết lập, một chức năng chuyển đổi đã được dẫn xuất để chuyển đổi ước tính khả năng được cung cấp bởi các công cụ chấm điểm của bài kiểm tra vào điểm số trên GSE.

Bảng 1. Mối quan hệ giữa CEFR và GSE

CEFR	GSE
Below A1	10-21
Below Tourist	10-12
Tourist	13-21
A1	22-29
A2	30-35
A2+	36-42
B1	43-50
B1+	51-58
B2	59-66
B2+	67-75
C1	76-84
C2	85-90

Các cấp độ CEFR không bằng nhau về chiều rộng, với A2, B1 và B2 rộng gấp đôi trình độ A1 và C1. Điều này tương ứng với sự bất bình đẳng quan sát được về chiều rộng giữa các cấp độ khác nhau như được quan sát trong phân tích IRT của chúng tôi cho PTE Academic, cũng như trong nghiên cứu ban đầu của Brian North [6]. Điều đáng

nói ở điểm này là Thang đo Brian North đã phát triển cũng là một quy mô chi tiết dựa trên IRT (sử dụng Thang đo Rasch một chiều) nằm trong khoảng từ -5.68 đến 4.68 mà vì nhiều lý do khác nhau đã được chia thành một số khoảng thời gian để tạo các mức CEFR.

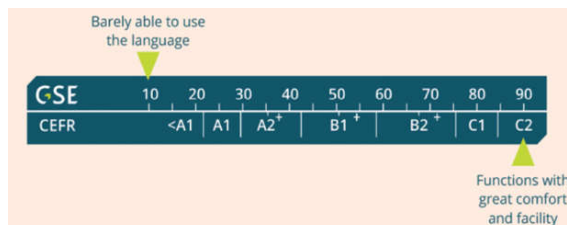
Sự liên kết của GSE với CEFR (Bảng 1) chỉ có thể hoàn toàn hiểu được nếu được hỗ trợ bởi thông tin giúp giải thích một cấp độ có nghĩa như thế nào. Học một ngôn ngữ không giống như học toán học hoặc kỹ thuật điện, trong đó mỗi chủ đề xây dựng trên một cái trước đó trong một trình tự hợp lý. Học ngôn ngữ không nhất thiết phải tuần tự và một người học có thể rất thành thạo trong một lĩnh vực, nơi họ đã có nhiều thực hành hoặc nơi họ cảm thấy một nhu cầu hoặc động lực cụ thể, nhưng có thể lại khá yếu ở lĩnh vực khác.

2.3. Ưu việt và hạn chế của Thang đo tiếng Anh toàn cầu

Không giống như CEFR mô tả sự thành thạo ở sáu cấp độ rộng (A1, A2, B1, B2, C1, C2), GSE xác định những gì người học có thể làm ở mỗi điểm trên thang điểm kỹ năng nói, nghe, đọc và viết, để cung cấp một mô tả chi tiết hơn về thông thạo ngôn ngữ.

Mục tiêu học tập của GSE được phát triển để mở rộng CEFR và giải quyết những hạn chế của CEFR, cung cấp một tập hợp bổ sung của tuyên bố “Can Do”. Bằng cách sử dụng GSE chi tiết hơn, có thể chỉ ra liệu một người học - hay một mục tiêu học tập - ví dụ: nằm ở phần cuối của B2 (GSE: 59), tại đầu trên (GSE: 75) hoặc tại bất kỳ điểm nào trong số 15 điểm trung gian. Do đó, một quy mô chi tiết hơn cung cấp cho giáo viên và người học tiếp cận với một bức tranh chính xác hơn nhiều về trình độ tiếng Anh và phát triển ngôn ngữ. Hơn nữa,

thang đo GSE bắt đầu từ 10 thấp hơn nhiều so với A1 (bắt đầu từ 22) và do đó cho phép mô tả tiến trình ở mức rất cơ bản.



Bốn bộ mục tiêu học tập của GSE đã được phát triển, mỗi cái được điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu của các đối tượng cụ thể - người học tiếng Anh phổ thông, người học tiếng Anh chuyên nghiệp, người học tiếng Anh học thuật và học viên nhỏ tuổi (6 - 14 tuổi). Đây chính là điểm khác biệt ưu việt của GSE so với CEFR.

3. Mối quan hệ giữa Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ Châu Âu và Thang đo tiếng Anh toàn cầu

GSE là sự phát triển kế thừa có chọn lọc và bổ sung chi tiết hoàn chỉnh từ CEFR. CEFR được phát triển có tính đến người học là người lớn, không cung cấp thông tin cho người học dưới A1 và nói chung thiếu thông tin tuyến dưới và tuyến trên, gần 2/3 thông tin tiêu chí đánh giá liên quan đến giao tiếp nói. CEFR có 6 cấp độ với kích thước khác nhau - một số trong số đó có thể khiến người học mất nhiều năm mới có thể vượt qua được và chính những hạn chế này mà GSE ra đời nhằm tìm cách khắc phục những vấn đề mà CEFR chưa giải quyết được. GSE lấy CEFR làm tham chiếu và tìm cách mở rộng các tiêu chí CEFR nhằm mục đích đáp ứng được nhu cầu của nhiều đối tượng người học hơn.

4. Kết luận

Các bước thống kê và phương pháp luận mở rộng như được khuyến nghị trong Cẩm nang của Hội đồng Châu Âu [2] ủng hộ

tuyên bố rằng, GSE và các mục tiêu học tập của GSE phù hợp với CEFR. GSE và các dự án liên quan để phát triển và mở rộng quy mô mục tiêu học tập bổ sung tìm cách giải quyết một số hạn chế của CEFR và do đó cung cấp nhiều hỗ trợ hơn cho người học tiếng Anh trên toàn thế giới. Bằng cách tạo ra một bộ mục tiêu học tập dưới A1 (GSE 10 - 21), giờ đây các giáo viên có thể theo dõi và nêu rõ sự tiến bộ của người học kể cả ở trình độ thấp nhất. Bằng cách xây dựng mục tiêu học tập cho trình độ thấp hơn và cao hơn, cũng như cho các kỹ năng đọc, nghe và viết, những người học đã phù hợp với trình độ CEFR có thêm thông tin để mô tả khả năng của họ và thông báo về việc học tập của họ trong tương lai.

GSE lần đầu tiên được áp dụng làm thang báo cáo cho PTE Academic đã cung cấp dữ liệu cho sự liên kết của GSE với CEFR từ cấp độ A2 đến C2. Nghiên cứu thực nghiệm sâu hơn, sử dụng dữ liệu thu được từ các sinh viên tiếng Anh trình độ thấp, đã chứng minh sự liên kết của nó với CEFR ở cấp độ A1 trở xuống.

Bộ mục tiêu học tập dành riêng cho đối tượng học thuật và tiếng Anh chuyên nghiệp - đảm bảo rằng các kỹ năng cụ thể theo lĩnh vực được ghi nhận và cân bằng với những chức năng ngôn ngữ thông thường. Trước đây, giáo viên giảng dạy đối tượng người học trẻ thường rất khó khăn khi sử dụng CEFR để đánh giá nhưng sự

phát triển của một tập hợp mô tả cho người học ở độ tuổi 6 - 14 đã cung cấp một khung để nhiều người học có thể xác định cái gì là sự khởi đầu của hành trình học tập ngôn ngữ của họ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Council of Europe, *Common European Framework of Reference for Languages: Learning, Teaching, Assessment*, Cambridge University Press, Cambridge, 2001.
- [2] Council of Europe, *Relating Language Examinations to the Common European Framework of Reference for Languages: Learning, Teaching, Assessment*, Council of Europe, Strasbourg, 2009.
- [3] de Jong, J. H. A. L., *Defining a Variable of Foreign Language Ability: An Application of Item Response Theory*, PhD Dissertation, Twente University, 1991.
- [4] de Jong, J. H. A. L., "The Role of the Common European Framework", *Keynote lecture delivered at the first EALTA Conference*, Slovenia, 2004.
- [5] de Jong, J. H. A. L., Mayor, M., & Hayes, C., "Developing Global Scale of English learning objectives aligned to the Common European Framework", in *Global Scale of English Research Series*, Pearson, London, 2016.
- [6] North, B., *The Development of a Common Framework Scale of Language Proficiency*, P. Lang, Frankfurt, 2000.
- [7] Pearson, *Aligning PTE Academic test scores to the Common European Framework of Reference for Languages*, 2010. Available at <http://pearsonpte.com/research/research-summaries-notes/>.